

Số: /2025/QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang tại Tờ trình số 3036/TTr-SGDĐT ngày 25 tháng 11 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với học sinh, học viên, gồm:

a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

b) Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

c) Học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.

2. Đối với cơ sở giáo dục, gồm:

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

b) Trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh, học viên là đối tượng được hưởng chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh An Giang

Địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày thuộc danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định, bảo đảm một trong các điều kiện sau:

1. Khoảng cách từ nhà ở của học sinh đến trường từ 04 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 07 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông; khoảng cách từ nhà ở của học viên đến nơi học tập từ 07 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, từ 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (*Chi tiết Phụ lục I kèm theo*).

2. Có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: từ nhà đến trường phải đi qua biển, hồ, sông, suối, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá (*Chi tiết Phụ lục II kèm theo*).

Điều 4. Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh An Giang

1. Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm

a) Chăn, màn và đồ dùng cá nhân được cấp 01 lần ở mỗi cấp học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP như sau:

STT	Tên hiện vật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chăn (mền)	Cái	01
2	Màn (mùng)	Cái	01
3	Chiếu	Cái	01
4	Gối	Cái	01
5	Áo bông (áo khoác)	Cái	01
6	Áo đi mưa hoặc ô	Cái	01
7	Móc áo	Cái	10
8	Dép đi trong nhà	Cái	01
9	Khăn tắm	Cái	01

b) Trang cấp đồng phục và học phẩm cấp cho mỗi năm học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP như sau:

STT	Tên học phẩm	Đơn vị tính		Số lượng
1	Đồng phục (áo trắng, quần tây, sêp)	Bộ		02
2	Tập 160 trang	Quyển		15
3	Bìa bao tập	Tờ		15
4	Cặp học sinh	Cái		01
5	Bút bi/viết (màu xanh)	Cây		10
6	Bút bi/viết (màu đỏ)	Cây		05
7	Bút chì	Cây		02
8	Gôm/tẩy	Cục		01
9	Bộ compa, thước đo độ	Bộ		01
10	Thước kẻ 20 cm	Cây		01
11	Kéo	Cây		01
12	Hồ dán	Chai		02
13	Hộp chì màu	Hộp		01

2. Việc mua sắm đồ dùng cá nhân trang cấp cho học sinh dân tộc nội trú học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú thực hiện căn cứ vào danh mục, định mức quy định tại khoản 1 Điều này và tuân thủ quy định pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 12 năm 2025.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ KHTC);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, nttrang.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thúy